

ĐỀ CƯƠNG CUỐI HỌC KỲ I- CÔNG NGHỆ 11 (CHĂN NUÔI)

Năm học 2025 – 2026

A. CÂU TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN

Câu 1: Nhân giống vật nuôi gồm 2 phương pháp là

- A. nhân giống thuần chủng và lai giống.
- B. lai xa và lai cải tạo.
- C. thụ tinh nhân tạo và thụ tinh trong ống nghiệm.
- D. lai kinh tế và lai cải tiến.

Câu 2: Mục đích của lai giống là

- A. tăng số lượng cá thể của giống.
- B. bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng.
- C. tạo ưu thế lai làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con, tăng hiệu quả chăn nuôi.
- D. duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống.

Câu 3: Lai kinh tế là phương pháp lai

- A. giữa các cá thể của hai loài khác nhau tạo ra ưu thế lai với những đặc điểm tốt hơn bố mẹ.
- B. khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo.
- C. khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến.
- D. giữa các cá thể khác giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.

Câu 4: “Lai giữa lợn đực ngoại Yorkshire với lợn cái Móng Cái để tạo ra con lai F1 có khả năng sinh trưởng nhanh, tỉ lệ nạc cao và thích nghi với điều kiện chăn nuôi của Việt Nam.” là ví dụ về phương pháp lai

- A. cải tiến.
- B. thuần chủng.
- C. kinh tế phức tạp.
- D. kinh tế đơn giản.

Câu 5: Giống vật nuôi bao gồm những đặc điểm nào sau đây?

- (1) Quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc.
- (2) Có số lượng cá thể ít hay nhiều đều được.
- (3) Có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau.
- (4) Được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

- A. (1), (3), (4).
- B. (2), (4).
- C. (1), (3).
- D. (2), (3), (4).

Câu 6: Một nhóm vật nuôi để được công nhận là một giống cần có những điều kiện gì?

- (1) Có chung nguồn gốc.
- (2) Có đặc điểm về ngoại hình và năng suất giống nhau và phân biệt với các giống khác.
- (3) Có một số lượng cá thể nhất định.
- (4) Có tính di truyền không ổn định.
- (5) Được Hội đồng giống Quốc gia công nhận.

- A. (1), (2), (3), (5).
- B. (1), (2), (3), (4).
- C. (1), (2), (4), (5).
- D. (2), (3), (4), (5).

Câu 7: “Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F1, sau đó con mái F1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F2 (Mía x Hồ x Phượng) là giống gà thịt lông màu thả vườn”. Đây là ví dụ về phương pháp lai nào?

- A. Lai kinh tế phức tạp.
- B. Lai kinh tế đơn giản.
- C. Lai cải tiến.
- D. Lai thuần chủng.

Câu 8: “Vịt Mulard là con lai được lai giữa ngan nhà và vịt nhà, tuy không có khả năng sinh sản nhưng có ưu thế lai siêu trội so với bố, mẹ như lớn nhanh, thịt thơm ngon hơn thịt vịt, tỉ lệ mỡ thấp”. Giống vật nuôi được nói trên là kết quả của phương pháp lai nào?

- A. Lai cải tiến.
- B. Lai kinh tế.
- C. Lai thuần chủng.
- D. Lai xa.

Câu 9: Nhân giống thuần chủng là phương pháp

- A. dùng những cá thể đực và cá thể cái của cùng một giống cho giao phối với nhau để tạo ra thế hệ con chỉ mang những đặc điểm của một giống ban đầu duy nhất.
- B. dùng những cá thể đực và cá thể cái khác giống cho giao phối với nhau để tạo ra con lai mang đặc điểm di truyền mới của bố mẹ.
- C. thụ tinh nhân tạo từ trứng và tinh trùng của vật nuôi cùng một giống.

D. cây truyền phôi để tạo ra số lượng lớn cá thể con trong thời gian ngắn.

Câu 10: Ý nào sau đây **không** phải mục đích của nhân giống thuần chủng?

- A. Nhận được ưu thế lai làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con.
- B. Tăng số lượng cá thể của giống.
- C. Bảo tồn quỹ gene vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng.
- D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống.

Câu 11: Các công nghệ sinh học được ứng dụng trong nhân giống vật nuôi bao gồm:

- A. thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cây truyền phôi, nhân bản vô tính.
- B. thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cây truyền phôi, nuôi cấy gene.
- C. thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cây truyền phôi, nhân bản gene.
- D. thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cây truyền phôi, cây truyền ADN.

Câu 12: Phương pháp nhân giống ứng dụng công nghệ sinh học để trứng và tinh trùng được kết hợp với nhau trong môi trường ống nghiệm là phương pháp

- A. thụ tinh nhân tạo.
- B. thụ tinh trong ống nghiệm.
- C. cây truyền phôi.
- D. nhân bản vô tính.

Câu 13: Cho bảng sau:

Giống vật nuôi	Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm
Gà Ri	Năng suất trứng đạt 90 - 120 quả/mái/năm
Gà Leghorn	Năng suất trứng đạt 240 - 260 quả/mái/năm
Gà Mía	Năng suất trứng đạt 70 - 100 quả/mái/năm
Gà Ai Cập	Năng suất trứng đạt 200 - 220 quả/mái/năm

Nếu nuôi gà để lấy trứng em sẽ chọn loại gà nào?

- A. Gà Ri
- B. Gà Ai Cập
- C. Gà Leghorn
- D. Gà Mía

Câu 14: Cho Bảng sau:

Giống vật nuôi	Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm
bò sữa HF	Năng suất sữa từ 5000-8000 kg / chu kỳ
bò sữa Jersey thuần chủng	Năng suất sữa từ 4000 kg/ chu kỳ
Bò Sữa Lai Hf	Năng suất sữa từ 3500 – 4200 kg/ chu kỳ.
Bò Brown Swiss	Năng suất sữa từ 3500 – 4000 kg/ chu kỳ.

Nếu nuôi bò để lấy sữa, em sẽ chọn giống bò nào

- A. Brown Swiss
- B. Bò lai HF
- C. Jersey
- D. Bò sữa HF

Câu 15: Cho các ý sau:

1. Căn cứ vào số liệu ghi chép về màu lông, da, hình dáng, khối lượng cơ thể, năng suất sữa, trứng...của đàn vật nuôi để tiến hành chọn.
2. Đặt ra những tiêu chuẩn cho các chỉ tiêu chọn lọc.
3. Những cá thể đạt tiêu chuẩn sẽ được giữ lại làm giống.

Sắp xếp các ý theo thứ tự các bước tiến hành phương pháp chọn lọc hàng loạt

- A. 2; 1; 3
- B. 3; 2; 1
- C. 1; 2; 3
- D. 2; 3; 1

Câu 16: Cho các ý sau:

1. Chọn lọc tổ tiên nhìn vào phả hệ để xem tổ tiên có tốt hay không
2. Chọn lọc bản thân, chúng sẽ được nuôi trong điều kiện tiêu chuẩn về nuôi dưỡng và chăm sóc

3. Kiểm tra đời con nhằm xác định khả năng di truyền những tính trạng tốt của bản thân con vật cho đời sau

Hãy sắp xếp các ý trên theo thứ tự tiến hành phương pháp chọn lọc cá thể

A.3; 2; 1 B. 1; 2; 3 C.2; 3; 1 D.2; 1; 3

Câu 17: Khẩu phần ăn là

- A. một hỗn hợp thức ăn cung cấp cho vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng.
- B. một hỗn hợp thức ăn cung cấp cho vật nuôi nhằm thỏa mãn tiêu chuẩn ăn.
- C. lượng thức ăn cho vật nuôi có đủ năng lượng hoạt động trong một ngày đêm.
- D. lượng thức ăn cho vật nuôi có đủ dinh dưỡng theo chế độ dinh dưỡng ở từng giai đoạn phát triển.

Câu 18: Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi được biểu thị bằng

- A. chỉ số dinh dưỡng.
- B. loại thức ăn.
- C. thức ăn tinh, thô.
- D. chất xơ, axit amin.

Câu 19. Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi là

- A. lượng thức ăn tiêu thụ tối đa trong ngày.
- B. lượng dinh dưỡng cần cung cấp phù hợp với nhu cầu nuôi dưỡng.
- C. lượng thức ăn vật nuôi ăn vào đến khi no.
- D. lượng thức ăn cung cấp theo sở thích của vật nuôi.

Câu 20. Vitamin có vai trò quan trọng đối với vật nuôi vì

- A. trực tiếp cung cấp năng lượng cho hoạt động sống hằng ngày.
- B. hỗ trợ chuyển hóa và điều hòa chức năng sinh lý trong cơ thể.
- C. giúp tăng lượng thức ăn mà vật nuôi tiêu thụ hằng ngày.
- D. thay thế hoàn toàn tác dụng của khoáng và protein trong khẩu phần

Câu 21: Nhu cầu vitamin của vật nuôi phụ thuộc vào những yếu tố nào sau đây?

- A. Độ tuổi, tình trạng sinh lí, giai đoạn sản xuất và năng suất của vật nuôi.
- B. Giống loài, giai đoạn sinh trưởng.
- C. Độ tuổi, tình trạng sinh lí, giai đoạn sinh trưởng của vật nuôi.
- D. Giống loài, độ tuổi, năng suất của vật nuôi.

Câu 22. Nguyên nhân khiến vật nuôi cần bổ sung khoáng vi lượng là gì?

- A. Khoáng vi lượng giúp tăng khả năng miễn dịch và điều hòa enzyme.
- B. Khoáng vi lượng cung cấp năng lượng cao cho hoạt động của tế bào.
- C. Khoáng vi lượng thay thế glucid và lipid trong khẩu phần vật nuôi.
- D. Khoáng vi lượng làm tăng tốc độ sinh trưởng vượt mức tự nhiên

Câu 23. Nhu cầu dinh dưỡng sản xuất của vật nuôi bao gồm những nội dung nào?

- A. Dinh dưỡng cần cho duy trì thân nhiệt và hoạt động sống tối thiểu.
- B. Dinh dưỡng cần cho tăng trọng, sinh sản hoặc tạo sản phẩm chăn nuôi.
- C. Dinh dưỡng cần để phục hồi sau khi vật nuôi bị bệnh hoặc suy nhược.
- D. Dinh dưỡng cần nhằm duy trì khả năng vận động và tiêu hóa thức ăn.

Câu 24: Cho các thông tin sau:

- (1) Nhu cầu năng lượng.
- (2) Nhu cầu protein và amino acid.
- (3) Nhu cầu nghỉ ngơi.
- (4) Nhu cầu khoáng.
- (5) Nhu cầu vitamin.

Những thông tin **đúng** về tiêu chuẩn ăn của vật nuôi gồm:

- A. (1), (2), (4), (5)
- B. (1), (2), (3), (4)
- C. (1), (3), (4), (5)
- D. (2), (3), (4), (5)

Câu 25: Nội dung nào dưới đây **không** phải là nội dung của tiêu chuẩn ăn của vật nuôi.

- A. nhu cầu năng lượng
- B. nhu cầu protein và amino acid
- C. nhu cầu khoáng
- D. nhu cầu muối

Câu 26: Phương pháp ủ chua có ưu điểm nào sau đây?

- A. Đơn giản, dễ thực hiện.
- B. Đáp ứng được yêu cầu của vật nuôi ở từng giai đoạn.
- C. Phức tạp, khó thực hiện.
- D. Áp dụng công nghệ hiện đại.

Câu 27: Phương pháp ủ chua có ưu điểm nào sau đây?

- A. Đơn giản, dễ thực hiện.
- B. Đáp ứng được yêu cầu của vật nuôi ở từng giai đoạn.
- C. Phức tạp, khó thực hiện.
- D. Áp dụng công nghệ hiện đại.

Câu 28: Thứ tự đúng các bước của quy trình ủ chua thức ăn thô, xanh là:

- A. Chuẩn bị nguyên liệu → Xử lý nguyên liệu → Ủ chua → Sử dụng.
- B. Chuẩn bị nguyên liệu → Ủ chua → Xử lý nguyên liệu → Sử dụng.
- C. Xử lý nguyên liệu → Chuẩn bị nguyên liệu → Ủ chua → Sử dụng.
- D. Chuẩn bị nguyên liệu → Xử lý nguyên liệu → Sử dụng → Ủ chua.

Câu 29: Thức ăn ủ men được sản xuất bằng phương pháp

- A. dùng men kết hợp với các enzyme tự nhiên trong thực phẩm.
- B. lên men nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn... với nấm men.
- C. lên men nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn... với nấm mốc.
- D. lên men nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn... với vi khuẩn Lactic.

Câu 30: Đây là một phương pháp bảo quản thức ăn thô?

- A. Bảo quản bằng phương pháp oxi hoá – khử.
- B. Bảo quản bằng phương pháp đóng băng.
- C. Bảo quản bằng phương pháp vôi hoá.
- D. Bảo quản bằng phương pháp kiềm hoá.

Câu 31: Thức ăn ủ men được sản xuất bằng phương pháp

- A. dùng men kết hợp với các enzyme tự nhiên trong thực phẩm.
- B. lên men nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn... với nấm men.
- C. lên men nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn... với nấm mốc.
- D. lên men nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn... với vi khuẩn Lactic.

Câu 32: Câu nào sau đây **không** đúng về thức ăn xanh?

- A. Thức ăn xanh bao gồm thân, lá của một số cây, cỏ trồng hoặc mọc tự nhiên, các loại rau xanh... sử dụng ở dạng tươi (cắt cho ăn tại chuồng hoặc chăn thả trên cánh đồng).
- B. Thức ăn xanh chứa nhiều nước (40 – 50%), nhiều chất xơ, giàu vitamin (carotene, vitamin nhóm B...); hàm lượng dinh dưỡng cao nhưng khó tiêu hoá và không thích ứng với nhiều loại vật nuôi.
- C. Thức ăn xanh là nguồn nguyên liệu để chế biến cỏ khô, bột cỏ, thức ăn ủ chua... cho gia súc nhai lại.
- D. Thức ăn xanh được sử dụng cho nhiều loài vật nuôi như: trâu, bò, lợn, gà...

Câu 33: Câu nào sau đây **không** đúng về thức ăn bổ sung?

- A. Thức ăn bổ sung là các chất thêm vào khẩu phần ăn nhằm mục đích cải thiện chất lượng sản phẩm, hỗ trợ bảo quản, duy trì chất lượng thức ăn; ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ bệnh tật cho vật nuôi.
- B. Thức ăn bổ sung dinh dưỡng gồm các amino acid, nitrogen phi protein, vitamin, chất khoáng... Ví dụ: bổ sung premix khoáng, vitamin, giúp cân bằng khoáng – vitamin và nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn.
- C. Thức ăn bổ sung với mục đích hỗ trợ tiêu hoá, phòng bệnh (enzyme, probiotics, thảo dược...). Ví dụ: bổ sung các chế phẩm probiotics trong thức ăn giúp cải thiện sự cân bằng hệ vi khuẩn đường ruột, nâng cao khả năng tiêu hoá, hấp thu thức ăn và phòng bệnh cho vật nuôi.
- D. Thức ăn bổ sung thảo dược giúp nâng cao sức đề kháng, tăng cường chức năng gan và hỗ trợ tiêu hoá.

Câu 34: Khô dầu thuộc nhóm thức ăn nào cung cấp cho vật nuôi?

- A. Lipid.
- B. Carbohydrate.
- C. Protein.
- D. Tinh bột.

Câu 35: Hạt ngũ cốc thuộc nhóm thức ăn nào sau đây?

- A. Thức ăn xanh
- B. Thức ăn ủ chua
- C. Thức ăn giàu protein
- D. Thức ăn giàu năng lượng

Câu 36: Phương pháp nào sau đây phù hợp chế biến thức ăn cho các đối tượng vật nuôi khác nhau?

- A. Ủ chua.
- B. Ủ men.
- C. Sản xuất thức ăn công nghiệp.
- D. Sản xuất thức ăn nông nghiệp.

Câu 37: Phương pháp nào được ứng dụng để chế biến thức ăn thô có hàm lượng lignin cao (sắn, rom, rạ, lõi ngô...)?

- A. Công nghệ enzyme.
- B. Công nghệ lên men.
- C. Phương pháp tương lượng đường trong máu.
- D. Phương pháp giảm lượng đường trong máu.

Câu 38: Nội dung nào **không** phải ý nghĩa của việc bảo quản thức ăn chăn nuôi?

- A. Đảm bảo chất lượng thức ăn, giúp thức ăn giữ được giá trị dinh dưỡng, giảm thiệt hại do hư hỏng và an toàn cho vật nuôi.
- B. Tăng sức cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành.
- C. Dự trữ thức ăn trong thời gian cho phép.
- D. Tiết kiệm chi phí thức ăn.

Câu 39: Thức ăn ủ chua cho vật nuôi sau 3 – 4 tuần phải đạt được yêu cầu gì?

- (1) Có màu vàng rom hoặc vàng nâu.
 - (2) Mềm, không nhũn nát.
 - (3) Mùi chua nhẹ, không mốc, không có mùi lạ.
 - (4) Cứng chắc, mùi hắc, không mốc.
 - (5) Có màu trắng vàng, mục nát, có mùi thơm thoang thoảng.
- A. (1), (2), (3).
 - B. (2), (3), (4).
 - C. (3), (4), (5).
 - D. (1), (3), (5).

Câu 40: Cho các bước của quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh:

- (1) Nhập nguyên liệu và làm sạch
- (2) Sàng phân loại và đóng gói
- (3) Hấp chín và ép viên
- (4) Cân, nghiền và phối trộn

Thứ tự **đúng** của quy trình là:

- A. (1) - (4) - (3) – (2)
- B. (1) - (2) - (3) – (4)
- C. (1) - (3) - (4) – (2)
- D. (2) - (4) - (3) – (1)

Câu 41: Tại sao bảo quản thức ăn chăn nuôi có ý nghĩa lớn trong chăn nuôi?

- (1) Đảm bảo chất lượng thức ăn, giúp thức ăn giữ được giá trị dinh dưỡng, giảm thiệt hại do hư hỏng và an toàn cho vật nuôi.
- (2) Dự trữ thức ăn trong thời gian cho phép.
- (3) Tiết kiệm chi phí thức ăn.
- (4) Giúp tăng chất lượng cho thức ăn chăn nuôi.

Phương án trả lời **đúng** là:

- A. (1), (2), (3).
- B. (1), (3), (4).
- C. (1), (2), (4).
- D. (2), (3), (4).

Câu 42: Tại sao sản xuất thức ăn cho vật nuôi đóng vai trò then chốt trong ngành chăn nuôi?

- (1) thức ăn chăn nuôi chiếm 60 – 70% chi phí sản xuất.
- (2) sản xuất thức ăn đòi hỏi quy trình công nghệ vô cùng tân tiến.
- (3) sản xuất thức ăn chăn nuôi là một ngành công nghiệp mang lại lợi nhuận cao.

Phương án trả lời **đúng** là:

- Câu 43:** Thứ tự đúng các bước của quy trình ủ chua thức ăn thô, xanh là

D. Chuẩn bị nguyên liệu → Xử lý nguyên liệu → Sử dụng → Ủ chua.

D. Lên men nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn... với vi khuẩn Lactic.

D. Bảo quản.

d) Nếu trang trại áp dụng phương pháp này liên tục trong nhiều thế hệ, có nguy cơ xảy ra hiện tượng thoái hóa giống do giao phối cận huyết.

d) Sau 3 thế hệ lai ngược (F3), tỉ lệ máu giống lợn ngoại trong đàn con (lý thuyết) là $\frac{7}{8}$.

d) Người nuôi có thể trộn premix khoáng – vitamin vào khẩu phần để cải thiện tình trạng trên.

Câu 4. Tại một mô hình nuôi gà thả vườn ở Bảo Lộc, người nuôi thường tận dụng phụ phẩm nông nghiệp như cám bắp, rau xanh bổ sung vào khẩu phần. Tuy nhiên, do khẩu phần thiếu đạm nên gà lớn chậm và tỉ lệ đẻ trứng giảm so với dự kiến.

Dựa vào tình huống trên, em hãy cho biết mỗi nhận định sau là đúng hay sai?

- a) Gà thả vườn có nhu cầu dinh dưỡng thay đổi theo giai đoạn sinh trưởng.
- b) Chỉ cần cho gà ăn đủ năng lượng thì tỉ lệ đẻ trứng vẫn ổn định.
- c) Thiếu protein sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng và năng suất trứng.
- d) Người nuôi có thể bổ sung thêm đậu nành rang hoặc bột cá để tăng hàm lượng đạm trong khẩu phần.

Câu 5. Một hộ nuôi gà đẻ tại huyện Đức Trọng (Lâm Đồng) nhận thấy gà giảm sản lượng trứng và nhiều quả có vỏ mỏng. Sau khi kiểm tra khẩu phần, cán bộ kỹ thuật kết luận khẩu phần thiếu khoáng và vitamin cần thiết cho quá trình trao đổi chất và tạo vỏ trứng.

Dựa vào tình huống trên, em hãy cho biết mỗi nhận định sau là đúng hay sai?

- a) Canxi là khoáng chất quan trọng đối với việc hình thành vỏ trứng của gà.
- b) Vitamin không có vai trò nào trong quá trình trao đổi chất của vật nuôi.
- c) Thiếu khoáng khiến gà dễ bị suy dinh dưỡng và giảm chất lượng sản phẩm.
- d) Điều chỉnh khẩu phần giàu Ca và vitamin là cách khắc phục phù hợp trong trường hợp.

Câu 6.

Một cơ sở chăn nuôi gà ở Đơn Dương đã chuyển sang dùng thức ăn viên công nghiệp thay cho thức ăn tự trộn. Họ nhận thấy gà lớn nhanh hơn, đồng đều hơn nhờ thức ăn viên có độ đồng nhất cao và bảo quản dễ hơn.

Dựa vào tình huống trên, em hãy cho biết mỗi nhận định sau là đúng hay sai?

- a) Thức ăn viên có độ ẩm thấp nên dễ bảo quản.
- b) Thức ăn tự trộn luôn có chất lượng tốt hơn thức ăn viên.
- c) Thức ăn viên đồng nhất giúp gà dễ tiêu hóa và tăng trưởng ổn định.
- d) Có thể dùng thức ăn viên trong giai đoạn gà con để nâng cao tỷ lệ sống.

Câu 7.

Tại một nông hộ ở Lâm Hà, người nuôi ủ chua cỏ voi bằng bao nylon kín sau khi băm nhỏ. Sau 20 ngày, thức ăn ủ chua có mùi thơm nhẹ, màu vàng xanh và được đàn bò ăn ngon miệng.

Dựa vào tình huống trên, em hãy cho biết mỗi nhận định sau là đúng hay sai?

- a) Ủ chua là phương pháp bảo quản thức ăn thô xanh bằng lên men yếm khí.
- b) Bao ủ phải để hở để không bị phồng khí trong quá trình lên men.
- c) Màu vàng xanh và mùi thơm nhẹ là đặc trưng của thức ăn ủ chua đạt chất lượng.
- d) Người nuôi có thể sử dụng silo hoặc thùng kín để cải thiện hiệu quả ủ chua.

Câu 8

Một trang trại dê ở Cát Tiên cho biết thức ăn tinh bị vón cục và có mùi lạ khi bảo quản trong kho ẩm. Sau khi đầu tư kệ cao và túi kín chống ẩm, thức ăn không còn vón và dê ăn khỏe hơn.

Dựa vào tình huống trên, em hãy cho biết mỗi nhận định sau là đúng hay sai?

- a) Thức ăn tinh dễ hút ẩm và vón cục nếu bảo quản không đúng cách.
- b) Thức ăn có mùi lạ vẫn đảm bảo an toàn vì chỉ bị biến màu nhẹ.
- c) Ẩm độ cao làm tăng hoạt động của nấm mốc và vi sinh vật gây hại.
- d) Người nuôi nên kê cao và dùng bao bì kín để tăng hiệu quả bảo quản.

Câu 9. Tại Bình Thuận (khu vực Lâm Đồng mới), một trang trại nuôi cừu áp dụng nhà kho thông minh dùng cảm biến để đo độ ẩm của thức ăn đóng bao và cảnh báo khi có nguy cơ mốc. Việc này giúp hạn chế tổn thất lớn trong mùa mưa. (Nguồn: Báo Bình Thuận Online, 2024)

Dựa vào tình huống trên, em hãy cho biết mỗi nhận định sau là đúng hay sai?

- a) Độ ẩm cao có thể làm thức ăn bị mốc.
- b) Cảm biến không thể sử dụng trong bảo quản thức ăn chăn nuôi.
- c) Kho thông minh giúp theo dõi và bảo quản thức ăn tốt hơn trong mùa mưa.
- d) Nếu trang trại muốn nâng cấp, có thể thêm hệ thống hút ẩm tự động.

Câu 10. Ở khu vực Đà Lạt (Lâm Đồng mới), một cơ sở nuôi thỏ đã áp dụng hệ thống phối trộn vi lượng tự động để đảm bảo khẩu phần có đầy đủ khoáng, vitamin theo tiêu chuẩn. Hệ thống được lập trình theo từng giai đoạn phát triển của thỏ. (Nguồn: Báo Lâm Đồng, 2024)

Dựa vào tình huống trên, em hãy cho biết mỗi nhận định sau là đúng hay sai?

- a) Vi lượng bao gồm khoáng và vitamin cần thiết cho vật nuôi.
- b) Phối trộn vi lượng không ảnh hưởng đến năng suất chăn nuôi.
- c) Hệ thống tự động giúp đảm bảo độ chính xác cao khi bổ sung vi lượng.
- d) Nếu cơ sở muốn tối ưu hơn, có thể tích hợp dữ liệu tăng trưởng để tự động điều chỉnh liều lượng vi lượng.

C. TỰ LUẬN

Câu 1: Một hợp tác xã chăn nuôi gia cầm ở tỉnh em đang đối mặt với hai vấn đề:

- Thứ nhất: Đàn gà hiện tại là giống địa phương, có sức đề kháng cao, thịt ngon nhưng tốc độ lớn chậm và năng suất trứng thấp.
- Thứ hai: Hợp tác xã muốn cải thiện nhanh chóng năng suất (tăng tốc độ lớn và sản lượng trứng) nhưng vẫn phải giữ được khả năng thích nghi và chất lượng thịt của giống gà địa phương.

Dựa vào thông tin đã nêu, em hãy đề xuất phương pháp nhân giống phù hợp cho đàn gia cầm của hợp tác xã và giải thích về cách thực hiện và hiệu quả của nó.

Câu 2: Một trang trại chăn nuôi bò sữa tại địa phương em có 10 con bò cái đã được thụ tinh nhân tạo thành công bằng tinh bò đực giống Holstein Friesian (HF) chất lượng cao. Trang trại có mục tiêu là tăng nhanh số lượng cá thể bò cái có phẩm chất di truyền tốt (giống HF) trong đàn.

Em hãy đề xuất một biện pháp công nghệ sinh học tiên tiến và trình bày các bước ngắn gọn công nghệ chủ yếu để giúp trang trại đạt được mục tiêu trên.

Câu 3: Để tận dụng nguồn thức ăn thô xanh dồi dào nhưng dễ bị hư hỏng và thiếu hụt dinh dưỡng trong mùa đông, người chăn nuôi bò sữa thường áp dụng phương pháp nào? Hãy giải thích cơ sở khoa học, mục đích và ưu điểm của phương pháp đó?

Câu hỏi 4: Trong quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi tại gia đình, bà con thường sử dụng các enzyme hoặc vi sinh vật (như nấm men, vi khuẩn) để xử lý, chế biến các nguyên liệu như bã thải, phế phụ phẩm nông nghiệp hoặc hạt ngũ cốc. Hãy trình bày lợi ích của việc ứng dụng công nghệ sinh học (sử dụng enzyme hoặc vi sinh vật) trong chế biến thức ăn chăn nuôi.

Câu 5: Gia đình em có một trang trại nhỏ chăn nuôi 50 con gà và trồng được một lượng lớn cây ngô (bắp) sau khi thu hoạch hạt. Phần thân, lá còn lại là nguồn thức ăn thô xanh dồi dào, nhưng nếu cho gà ăn trực tiếp sẽ khó tiêu hóa và dễ hư hỏng nếu không dùng hết. Hãy đề xuất một phương pháp chế biến và một phương pháp bảo quản (mỗi loại một phương pháp) cho phần thân, lá của cây ngô này để phù hợp với việc nuôi gà và điều kiện thực tiễn của gia đình. Giải thích về hiệu quả của các đề xuất.

Câu 6: Ở địa phương em có một lượng lớn bã đậu nành (bã đậu phụ) thải ra từ các cơ sở sản xuất. Bã đậu là nguồn protein thực vật rất tốt nhưng có nhược điểm là hàm lượng nước cao, dễ ôi thiu, nhanh hỏng và chứa một số yếu tố kháng dinh dưỡng. Em hãy đề xuất một biện pháp công nghệ sinh học để xử lý bã đậu nành thành thức ăn chăn nuôi an toàn và chất lượng cao. Trình bày về lợi ích kinh tế/dinh dưỡng mà biện pháp này mang lại.